



Hồ sơ bệnh lý Nguyễn Du

Trần Văn Tích

Tiền nhân chúng ta có thói quen hà tiện lời khi nói về bệnh tật. Thường thường chỉ vị chỉ bảo mình ốm, mình đau chứ không chịu ghi rõ mình lâm bệnh gì.

Trần Nguyên Đán phiên muện chung chung :

Bệnh dữ bất như do bệnh thì.

(Bất mị)

(Bệnh khỏi không bằng khi còn bệnh)

(Không ngủ)

Nguyễn Phi Khanh nhiều lần cho biết đại khái :

Bệnh căn vị khứ dược hoàn kiều.

(Thu dạ tảo khỏi ký Hồng Châu Kiểm chính)

(Căn bệnh chưa dứt, thuốc còn phải sắc)

(Đêm thu dậy sớm gửi Kiểm chính Hồng Châu)

Chỉ kim ngộa bệnh vị năng triêu.

(Thôn cư cảm sự ký trình Bạng Hồ tướng công)

(Nay đang nằm trên giường bệnh chưa thể đi châu)

(Ở quê xúc động trước việc xảy ra, gửi trình tướng công Bạng Hồ)

Hồ hải tứ niên đa tật bệnh.

(Thiên trường chu trung)

(Hồ hải bốn năm nay, nhiều bệnh tật)

(Trong thuyền ở Thiên trường)

Đa bệnh hoàn liên Mã Trường Khanh.

(Thu trung bệnh)

(Bệnh nhiều lại càng thương cho Mã Trường Khanh)

(Ôm vào mùa thu)

Các thiền sư đời Lý như Mãn Giác, Quảng Nghiêm cũng chỉ *cáo tật, thị tật* (cáo bệnh, cáo ốm) mà không cho biết về bệnh trạng.

Nguyễn Bình Khiêm chỉ nói sơ lược về bệnh già :

Lão lai khước dữ bệnh tương kỳ.

(Nguyên đán thuật hoài)

(Già đến lại cùng bệnh tật hẹn hò nhau)

(Tỏ nổi lòng vào dịp tết)

và : *Kịch túy na tri lão bệnh thôi.*

(Ngự hứng)

(Cứ say mềm nào biết bệnh già đang giục già)

(Gợi hứng)

Nguyễn Cư Trinh nói tổng quát là mình đa mang nhiều bệnh :

Thiên môn chương lệ khách đa bệnh.

(Long hồ ngoại bệnh)

(Trời đây chương lệ, gây cho khách nhiều bệnh)

(Nằm bệnh ở Long hồ)

Bùi Huy Bích thì than thân đau ốm :

Bệnh thân ưu quốc hựu ưu gia.

(Bạch liên trì...)

(Thân bệnh, lo cả việc nước lẫn việc nhà)

(Trên ao sen trắng...)

Hà Tông Quyền chỉ bảo là bệnh đã lâu :

Chương giang nhất ngoại động kinh tuần.

(Xuân nhật bệnh khởi)

(Ôm nằm liệt tại vùng Chương giang tới mấy tuần)

(Ngày xuân ốm dậy)

Nguyễn Du cũng không ra ngoài thông lệ. Qua ba tác phẩm *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục*, thì bá có một vài bài thơ chữ hán hé ra cho ta thấy một chút phong thái suy tư về đau ốm. Bài viết này căn cứ vào cách điệu tâm hồn đó để thử xác lập một hồ sơ bệnh lý cho tác giả *Truyện Kiều*.

Không cần tiến hành những thử nghiệm cận lâm sàng phức tạp cũng có thể chẩn đoán xác định rằng hệ miễn dịch của Nguyễn Du không mấy mạnh. Nhà thơ đau ốm liên miên, thể chất nhà thơ bạc nhược :

Sinh vị thành danh thân dĩ suy,

Tiêu tiêu bạch phát mộ phong xuy.

(Tự thán)

(Sống chưa nên danh thân đã suy yếu,

Tóc bạc bờ phờ bay trước gió chiều)

(Than mình)

Là thân nam tử trượng phu nhưng nhà thơ không khác gì nhân vật nữ chính của mình rất sợ các lộ trình xa xôi, *phần e đường xá, phần thương dãi dầu* vì ngại bản thân không chịu đựng nổi những nỗi gian truân :

Lực suy thường úy lộ,

Phát đoản bất câi phong.

(Phượng hoàng lộ thượng tảo hành)

(Sức yếu thường sợ sương móc,

Tóc ngắn không ngại gió thổi)

(Sáng sớm đi trên núi Phượng hoàng)

Qua thi ca chữ hán, Nguyễn Du tự vẽ chân dung một con người già trước tuổi, với một cơ thể suy trước thời, với một hình hài hậu thiên bất túc, hệ thống điều hòa thân nhiệt rất kém khả năng điều chỉnh thích nghi :

Trung tuần lão thái phùng nhân lãn,

Nhất lộ hàn uy trượng tử ôn.

(Quỉ môn đạo trung)

(Tuổi mới trung niên đã có vẻ già nên ngại thù tiếp,

Suốt đường giá lạnh phải nhờ hơi ấm của rượu)

(Trên đường qua Quỉ môn)

Đoạn đời “mười năm gió bụi“ từ 1786 đến 1795 sống nương quê vợ ở xã Quỳnh côi huyện Hải an, tỉnh Thái bình, ăn gửi nằm nhờ, nay bờ sông mai bãi bể, lưng không một đồng một chữ, thân mang bệnh tật thường xuyên được ghi lại chân thành và cảm động trong *Thanh Hiên thi tập* :

*Thập tải phong trần khứ quốc xa,
 Tiêu tiêu bạch phát ký nhân gia.
 Trường đồ nhật mộ tân du thiếu,
 Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa.*

(U cư)

(Mười năm gió bụi bỏ quê hương đi xa,
 Bơ phờ đầu bạc ở nhờ nhà người.
 Đường dài chiều tối bạn mới ít,
 Một nhà xuân lạnh bệnh cũ nhiều)

(Ở nơi u tịch)

Nhưng rồi khi trở lại nguyên quán Hồng lĩnh Lam giang, đời sống thi sĩ cũng chẳng đầy đủ gì hơn độ ở Thái bình và sức khỏe thì cũng chẳng khả quan hơn chút nào. Những bài thơ ký thác tâm sự giai đoạn này cho ta hình ảnh một nhà nho mới ba mươi mà tóc đã bạc trắng, có lúc ốm mấy tháng liền chỉ nằm chờ chết, trong nhà bếp tro tàn núc lạnh, cơ thể suy dinh dưỡng sức cùng lực kiệt đến độ chuột đói ăn leo lên giường gặm sách mà chỉ biết giương mắt uê oải nhìn :

*Đa bệnh đa sầu khí bất thư,
 Thập tuần khốn ngọa Quế giang cư.
 Lệ thân nhập thất thôn nhân phách,
 Cơ thử duyên sàng khiết ngã thư.*

(Ngọa bệnh)

(Lắm bệnh nhiều buồn khí không thư thái,
 Mười tuần nằm liệt bên bờ Quế giang.
 Thân dịch lệ vào nhà bắt hồn vía người,
 Chuột đói leo giường gặm sách vỡ ta)

(Nằm bệnh)

Nam chủ khí, nữ chủ huyết : ở đàn ông khí vượng khí đầy thì tinh thần mới phấn chấn, thân thể mới khoẻ khoắn; ở người nữ huyết thông huyết đủ thì sinh lý mới chính thường, kinh nguyệt mới đều đặn. Mới ba mươi tuổi, *khí đã bất thư* thì cơ năng tạng phủ ắt không điều hoà, thế tất nhiên dẫn tới lâm bệnh và lâm nhiều bệnh, bệnh nào cũng có thể nặng, nằm liệt giường liệt chiếu tháng này qua tháng khác. Kết quả thi bá gây ốm hóc hác, đến nỗi phải mượn chồng sách làm gối nâng đỡ bộ xương bệnh tật :

*Chăm bạn thúc thư phù bệnh cốt,
 Đăng tiền đầu tư khởi suy nhan.*

(Tạp ngâm)

(Cạnh gôi có chồng sách đỡ tấm thân bệnh tật,
Trước đèn nhấp chén rượu cho tươi vẻ mặt tiêu tụy)

(Ngâm vịnh vật)

Bệnh Nguyễn Du là loại bệnh kinh niên với những pha bộc phát và/hoặc biến chứng :

*Thập niên túc tật vô nhân vấn,
Cửu chuyển hoàn đan hà xứ tâm.*

(Ngoạ bệnh)

(Bệnh cũ mười năm chẳng ai thăm hỏi,
Tìm đâu được thuốc tiên luyện chín lần?)

(Nằm bệnh)

Có thời điểm tác giả *Truyện Kiều* cơ hồ lâm vào trạng thái *subcoma*, lơ mơ nửa tỉnh nửa mê, tinh thần bất định :

*Tam lan song hạ ngâm thanh tuyết,
Điểm điểm tinh thần du thái sơ.*

(Ngoạ bệnh)

(Dưới cửa sổ tam lan, tiếng ngâm vắng bật,
Tinh thần dần dần rong chơi nơi cõi hư không)

(Nằm bệnh)

Và khi tỉnh táo thì nhà thơ ý thức rõ rệt rằng bệnh án của mình phức tạp, bệnh cảnh của mình nhiều biến chứng, hồ sơ bệnh lý dày cộp, rối loạn chức năng xảy ra cùng lúc với khiếm khuyết thể lực. Người thanh niên đó đã có những phút giây suy nhược tinh thần gần như trầm cảm u uất. Vì bệnh không thuyên giảm theo thời gian mà còn có vẻ trầm trọng thêm một cách bất thường đáng ngại trong hoàn cảnh túng quẫn khó khăn, thuốc men thiếu thốn hay không có. Đã có lúc Nguyễn Du nghĩ đến cái chết và hơn một lần tự hỏi giờ đây mình còn sống nhưng rồi nay mai chết đi, liệu có ai rưới rượu trên mộ cho mình hay chăng?

*Ninh tri dị nhật tây lãng hạ,
Năng ẩm trùng dương nhất trích vô?*

(Mạn hứng)

(Biết rồi đây khi nằm xuống dưới gò phía tây,
Liệu tiết trùng dương có uống được giọt rượu nào không?)

(Cảm hứng lan man)

Sinh tiền bất tận tôn trung tửu,

Tử hậu thù kiều mộ thượng bôi?

(Đối tửu)

(Lúc sống không uống cạn hồ rượu,

Chết rồi ai rưới rượu trên mồ cho?)

(Ngồi uống rượu)

Nỗi lo sợ vu vơ ám ảnh nhà thơ, nhất là khi nhìn xung quanh và nhìn trước mặt thấy hiện tại và tương lai đều không có dấu hiệu gì sáng sủa. Về bệnh lý thì dự hậu tẩm tối, về công danh thì hoạn lộ bế tắc.

Mùa xuân vạn vật sinh sôi nảy nở thì tâm thế Nguyễn Du lại suy sụp thoái hoá. Chúng ta đã thấy thì bá đề cập đến *nhất thất xuân hàn* (một nhà xuân lạnh). Có khi cả ba tháng xuân (hay cả ba mùa xuân?) nhà thơ ốm đau không dứt :

Tam xuân tích bệnh bản vô dược,

Tráp tải phù sinh hoạn hữu thân.

(Mạn hứng)

Ba năm bệnh đòn, nghèo không thuốc uống,

Cuộc phù sinh ba mươi năm, có thân nên đâm lo)

(Cảm hứng lan man)

Giang hồ bệnh đảo kinh thời cửu,

Phong vũ xuân tùy nhất dạ thâm.

(Xuân dạ)

(Bệnh đến trên bước giang hồ đã lâu ngày,

Về xuân theo mưa gió tan trong đêm khuya)

(Đêm xuân)

Nhưng mùa thu Nguyễn Du cũng đau ốm, hay đúng hơn, lại thấy bệnh cũ trở về sau một thời gian tưởng đã khỏi :

Tái bệnh thượng tu điều nhiếp lực,

Bất tri thu tứ đảo thù gia.

(Khai song)

(Bệnh trở lại phải lo điều dưỡng,

Chẳng biết ý thu đến nhà ai?)

(Mở cửa sổ)

Không phải chỉ vì công chưa thành danh chưa toại mà thi nhân đau ốm trầm cảm.
 Nhận chức ở cố đô, vị đường quan của chúng ta vẫn nhiều khi phải cáo bệnh xin phép
 nghỉ việc nằm nhà :

Thập khẩu đề cơ Hoành lĩnh bắc,

Nhất thân ngoạ bệnh Đế thành đông.

(Ngẫu đề)

(Phía bắc Hoành sơn mười miệng kêu đói,

Góc đông Đế thành một thân nằm bệnh)

(Tĩnh cớ đề vịnh)

Còn đi công cán thì ông quan này hầu như lê tấm thân suy nhược dọc theo lộ trình :

Đa bệnh nhất thân cung đạo lộ,

Ngũ canh tàn mộng tục hương quan.

(Thủy liên đạo trung tảo hành)

(Tám thân đau yếu phải xông pha đường sá,

Canh năm mộng tàn vẫn mơ về quê nhà)

(Đi sớm trên đường Thủy liên)

Đã thế, nghề làm quan còn gây thêm biến dạng cột sống, khiến nhà nho tội nghiệp
 mất hẳn dáng đứng thẳng lưng bình thường để trở thành một trường hợp bệnh lý chính
 hình trong khuôn khổ rối loạn lao động :

Hữu hình đồ dịch dịch,

Vô bệnh cổ câu câu.

(Thu chí)

(Có hình chịu vất vả,

Không bệnh lưng lom khom)

(Thu đến)

Quanh năm bệnh tật kéo dài rề rề, đau tới đau lui không dứt, đến đêm giao thừa
 Nguyễn Du cũng cứ ốm để đón xuân sang :

Tối thị thiên nhai quỵện du khách,

Cùng niên ngoạ bệnh Tuế giang tân.

(Thu dạ)

(Nhất là du khách bên trời đã mỗi một,

Hết năm đau ốm nằm bên Tuế giang)

(Đêm thu)

Tài liệu kinh điển của đông y, sách *Nội kinh*, cho rằng “kẻ nào hiểu được thiên văn, thông được địa lý, biết được nhân sự, thì kẻ đó sống được lâu” và cũng nhận định “điều dưỡng thân thể mà không theo lẽ tự nhiên thì sẽ phát sinh bệnh tật”. Người xưa đề xướng rằng trong cơ thể con người vẫn có qui luật biến hóa như qui luật biến hóa của mọi hiện tượng trong vũ trụ. Theo sự biến hóa bình thường của tự nhiên giới thì khí mùa xuân chủ về sinh, khí mùa hạ chủ về trưởng, khí mùa thu chủ về liễm, khí mùa đông chủ về tàn. Mùa xuân cây cỏ bắt đầu nảy mầm, vạn vật hoạt bát, ưa vận động; mùa hạ thảo mộc lớn lên tươi tốt, ưa hoạt động hơn nữa; mùa thu cây cỏ héo úa co rút lại, hoạt động giảm sút để sang đông thì gần như ngưng trệ, tàn lụi. Dựa trên cơ sở quan sát thực nghiệm đó, phép tắc ngừa bệnh, chữa bệnh cổ truyền luôn luôn chú ý đến những đặc điểm và qui luật khí tượng học. Nói cách khác, khí âm dương biến hóa, thời tiết bốn mùa xuân hạ thu đông lần lượt thay đổi, là nguồn gốc sinh trưởng, suy lão, tử vong của muôn vật muôn loài trong cõi hoàn vũ. Cổ nhân dựa vào qui luật ấy để đề ra các biện pháp phòng bệnh và chữa bệnh thích nghi theo từng thời tiết. Trong hoàn cảnh bình thường, do sự biến hóa của lục khí, theo sự chuyển dịch của tứ thời, mùa xuân ấm, mùa hạ nóng, mùa thu mát, mùa đông lạnh (*xuân ôn, hạ thử, thu tảo, đông hàn*). Sự chuyển dịch và sự biến hóa bình thường ấy vốn có lợi cho mọi sinh vật, tạo những điều kiện phát sinh phát triển thuận tiện cho muôn loài. Trái lại, mùa nên ấm mà không ấm cũng như mùa nên lạnh mà không lạnh tất nhiên sẽ có ảnh hưởng không tốt đối với cơ thể con người. Cũng vẫn sách *Nội kinh* ghi nhận : “Khi nên đến mà đến là khí hậu điều hòa, khi nên đến mà chưa đến là bất cập, khi chưa nên đến mà đến là hữu dư”. Nên đến mà đến dĩ nhiên là hiện tượng bình thường, bởi lẽ thời lệnh và khí hậu thống nhất. Nếu nên đến mà không đến là thời lệnh đã đến mà khí hậu chưa đến, như mùa xuân đáng lẽ khí hậu ấm áp mà lại rất lạnh là một hiện tượng khác thường của thời tiết, tất nhiên dễ gây bệnh tật ốm đau.

Nguyễn Du không phải là lương y. Nhà thơ có hai nghề tay trái (và cũng là hai thú tiêu khiển) đi săn và đi câu, bởi vậy từng tự hiệu là *Hồng sơn liệt hộ* (phường săn núi Hồng) và *Nam hải diều đồ* (nhà chài biển Nam). Nhưng dẫu vậy, thi bá vẫn có những tri thức cơ bản về y dược, như đa số – nếu không là tất cả – các nhà nho. Trong *Thượng kinh ký sự*, Lãn Ông kể chuyện khi lên kinh chữa bệnh cho hai cha con chúa Trịnh Trịnh Sâm và Trịnh Cán, các đại thần túc trực nơi phủ chúa đều tự động đóng góp ý kiến, tham gia bàn thảo về những thang phương do cụ kê đơn bốc thuốc. Lê Quý Đôn rất ưa bàn luận về dược học, dược lực, dược tính. Chư vị không đủ trình độ, bản lĩnh để hành nghề thầy thuốc, không đủ kiến thức kinh nghiệm để *biện chứng luận trị* nhưng có thừa can đảm và nhiệt tình để góp ý góp lời với y sĩ điều trị. Nguyễn Du cũng vậy. Nhiều lần tiên sinh nhắc đến khí hậu vận hành trong trời đất theo phép *âm dương ngũ hành* của Trung y :

Đông hàn hạ thử cố xâm tâm,

Lão đại đầu lô tuế nguyệt thâm.

(Phúc Thực Đình)

(Đông lạnh hạ nóng lần lửa trôi qua,

Năm tháng chồng chất trên mái đầu già cỗi)

(Đáp anh Phúc Đình)

Xuân lan thu cúc thành hư sự,

Hạ thử đông hàn đoạt thiếu niên.

(Tập thi)

(Lan mùa xuân cúc mùa thu trở thành chuyện ảo,

Đông rét hè nóng cướp cả tuổi trẻ)

(Thơ lật vặt)

Xuân hàn hạ thử cổ tương xâm,

Nhất ngoạ Hồng sơn tuế nguyệt thâm.

(Ngoạ bệnh)

(Xuân lạnh hè nóng cứ quấy rầy nhau mãi,

Vừa nằm ở Hồng sơn mà đã mấy năm rồi)

(Nằm bệnh)

Lỗi dùng chữ *xuân hàn hạ thử* và nhất là *hạ thử đông hàn* hoặc *đông hàn hạ thử* vốn thuộc kho tàng từ vựng thuật ngữ y học cổ truyền. Và thi sĩ cũng đã nói đến phép *nhiếp sinh* qua dòng thơ đan cử ở trên, *Tái bệnh thượng tu điều nhiếp lực*. Hiểu theo y học hiện đại, phép nhiếp sinh là các phương pháp vệ sinh dinh dưỡng.

Tất nhiên về lâm sàng rất khó chẩn đoán xác định Nguyễn Du bị chứng trạng gì theo phép biện chứng của Trung y vì tác giả *Truyện Kiều* chỉ ghi lại cho chúng ta một vài chi tiết triệu chứng học tán mạn rời rạc : đầu tóc sớm bạc, xương cốt đau nhức, cột sống biến dạng, tứ chi gầy còm, miễn dịch suy yếu. Ngoài ra Nguyễn Du có hoạt động tình dục khá mạnh mẽ : vợ cả, vợ kế, vợ thiếp, cả ba bà sinh cho nhà thơ đến mười hai trai và sáu gái :

Quyên ai mặc báo báo sinh hà bỏ,

Nhi nữ thành quần tử bất phương.

(Giang đầu tản bộ)

(Chưa báo đáp được may mắn sống chẳng ích gì,

Trai gái hàng đàn, chết cũng chẳng ngại)

(Dạo chơi đầu sông)

Phối hợp các dữ kiện thuộc triệu chứng học lâm sàng cùng với chu trình tiến triển của bệnh cảnh, cộng thêm đời sống sinh lý phòng the của thi bá, chúng ta có thể phỏng đoán là các rối loạn bất thường ở Nguyễn Du chủ yếu qui vào tạng *thận*; nếu vận dụng học thuyết *tạng tượng* của Trung y. Về tiến trình bệnh học, cung cách bệnh biến qua thời gian một năm hay hàng năm như *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* ghi nhận là đặc tính của các bệnh thuộc thận tượng : thông thường bệnh thận lành khỏi ở mùa xuân, mùa xuân không khỏi thì phát kịch ở cuối hạ, cuối mùa hạ mà qua được thì dây dưa sang mùa thu để rồi phát khởi ở mùa đông. Về công năng tạng phủ, thận là gốc của *tiên thiên*, là tạng chứa *tinh*, có tác dụng trọng yếu đối với quá trình dinh dưỡng phát dục và gây tạo nòi giống. *Thận khí* đầy đủ thì cơ quan sinh dục nam nữ mới có khả năng giao hợp và sinh đẻ bình thường. Nhưng nếu phòng sự quá độ thì *thận khí* suy. Mặt khác, *tinh* do thận chứa không chỉ là tinh của bản tạng mà còn bao gồm tinh khí do thực phẩm hóa sinh tàng chứa ở lục phủ ngũ tạng, đó là tinh của *hậu thiên*. *Tinh* của thận đầy đủ thì cơ thể mới sung sức mạnh mẽ, mái tóc xanh nhuận, xương khớp vững chắc, lưng thẳng cổ ngay. *Thận sung tắc tủy thực*, thận chắc thì tủy đầy, thận suy thì cái khung nâng đỡ toàn thân là bộ xương phải nhờ sách chống đỡ, như Nguyễn Du tả thực. Và chẳng *chí* của thận là *khủng* (sợ). *Khủng* khiến khí nén xuống, kết quả của *khủng* là tổn thương tinh, tổn thương thận.

Trước hết, hãy theo đúng thứ tự phương pháp *tứ chẩn* của Trung y để áp dụng *vọng*

chấn nhằm quan sát mái tóc Nguyễn Du. Nó không những bạc rất sớm mà còn lưa thưa bạc phờ (*tiêu tiêu bạch phát*) chứ không rậm rạp dày dặn, như hai bài *Tự thán* và *U cư* trên kia đã mô tả. Đó còn là mái tóc chấm dứt bài *Trê khách* (Người khách bê trệ) :

Phong trần đội lý lưu bì cốt,

Khách chằm tiêu tiêu lưỡng mấn bông.

(Thân mình xương bọc da vẫn còn trong đám phong trần,

Hai mái tóc bạc bạc phờ tựa trên gối khách)

Không phải chỉ có nhà thơ tự khắc hoạ chân dung như vậy, bằng hữu quyền thuộc cũng thấy bộ tóc Nguyễn Du lơ thơ thưa thớt do khí huyết bất túc. Đoàn Nguyễn Tuấn, anh vợ thi bá, miêu tả :

Sổ hành bạch phát cảnh suy ông.

(Tóc bạc vài sợi nhắc nhở người suy yếu)

Vả lại toàn bộ hệ lông nơi nhà thơ của chúng ta cũng sớm mất màu xanh chứ chẳng phải riêng chi mái tóc, và như vậy chính là do *cốt tướng*, có thể hiểu là *tiên thiên bất túc* :

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng,

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi.

(Tự thán)

(Trời đất phú cho cái cốt tướng gian truân,

Xuân thu đưa về cho bộ mày râu bạc trắng)

(Than mình)

Mối quan hệ giữa *thận* và *tóc* được sách *Tổ vấn*, thiên *Lục tiết tạng tượng luận*, nói rất ngắn gọn nhưng rõ ràng : *Thận giả, (...) hoa kỳ tại phát*, thận tươi tốt phản ánh lên tóc. Sự dinh dưỡng của đầu tóc tuy nguồn gốc từ huyết (cho nên Trung y bảo *huyết vi phát chi dư*, tóc là chất thừa của huyết) nhưng sức sống của tóc lại có gốc nguồn từ thận khí. Thận khí ở bên trong cơ thể có khả năng biểu hiện qua lông tóc ở bên ngoài. Người trẻ tuổi thận khí đầy đủ thì đầu tóc rậm rạp đen nhánh, người tuổi già sức yếu thì thận khí hư nhược nên tóc khô khan rụng nhiều và chải dễ gãy (*mao triết*). Nguyễn Du mới ở vào tuổi *tam thập nhi lập* mà chức năng thận tượng đã cơ hồ tương ứng với một người sáu, bảy mươi!

Thận có hai chức năng và bộ vị, bên trái là *thận*, bên phải là *mệnh môn*. Thận vốn chủ âm thuộc thủy còn mệnh môn lại chủ dương thuộc hỏa, cho nên Trung y gọi thận là *thủy hoá chi tạng*. Khi một vị lương y nói *chân âm* là chỉ thận thủy, nói *chân dương* là chỉ *thận dương*, còn gọi là *mệnh môn chi hỏa*. Gặp trường hợp thận dương hư yếu, mệnh môn hỏa bất túc thì tỳ vị không được hưởng dương khí ấm áp cần thiết nên ảnh hưởng tiêu cực lên công năng vận hành thủy cốc của vị khí và công năng biến hoá dinh dưỡng của tỳ khí; kết quả có hiện tượng *hoá bất sinh thổ* với triệu chứng lâm sàng là mỗi lưng lạnh gối, sợ rét, ăn uống không tiêu, tiêu tiểu không lợi v.v..

Mệnh môn hoá bất túc khiến Nguyễn Du rất mẫn cảm đối với lạnh, rất nhạy bén đối với rét. Tôi đã thử đếm trong số hơn hai trăm bài thơ của *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục* thì thấy Nguyễn Du vận dụng tính từ *hàn* (lạnh) ít nhất cũng ba mươi bốn lần! Đó là chưa nói đến tính từ *lãnh*. Có bài thơ dùng đến hai chữ *hàn* (*Xuân nhật ngẫu hứng*), có bài dùng đến ba chữ *hàn* (*Bất mị*) mặc dù toàn bài chỉ vôn

vẹn có bốn mươi chữ! Quanh năm bốn mùa hầu như lúc nào thời tiết cũng lạnh đối với Nguyễn Du :

Tứ thời hảo cảnh vô đa nhật.

(Thu chí)

(Cảnh đẹp bốn mùa không được mấy ngày)

(Thu đến)

Có mời Nguyễn Du đi tản sang Little Saigon, nhà thơ cũng vẫn sẽ thấy khí hậu California giống như khí hậu nước Đức! Nguyễn Du lúc nào cũng lạnh, ở đâu cũng lạnh, thấy cái gì cũng lạnh. Vì khí huyết thất điều nên cơ thể thi nhân quanh năm chỉ sống có ba mùa xuân, thu và đông, không có hè, mà cả ba mùa mùa nào cũng rét. Họa hoằn lắm mới thấy có hạ về trong thơ chữ hán Nguyễn Du, bài *Thương ngô Trúc chi ca* (Bài ca điệu Trúc chi khi qua Thương ngô) :

Thành bắc sơn lưu hồng cánh hồng.

(Phía bắc thành hoa lựu trên núi đã đỏ càng đỏ thêm)

và bài *Hà nam đạo trung khóc thử* (Nắng to trên đường đi Hà nam) :

Lộ xuất lương phong ngoại,

Nhân hành liệt nhật trung.

(Trên đường vẫn chưa có gió mát,

Người đi dưới ánh nắng gay gắt).

Trong *Truyện Kiều* mùa hè cũng hiền lành (câu 1307-1308) :

Dưới trăng quỳên đã gọi hè,

Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.

Dường như nguyên nhân gây bệnh *mệnh môn bất túc* ảnh hưởng lên toàn bộ thi ca Nguyễn Du. Tôi có cảm tưởng mùa hè Nguyễn Du không mang tác động khí tượng giống mùa hè của Ngô Chi Lan trước thi bá :

Đình châm vô ngữ thúy mi đề,

Quyện ý sa song mộng dục mê.

(Hạ từ)

(Người dừng kim, nín lặng, chau đôi mày xanh,

Mệt tựa song the, lừ đừ như thành mê mộng)

(Mùa hạ)

và của Nguyễn Khuyến sau thi bá :

Kim hạ khổ khái nhiệt,

Thảo khô, trạch diệp kiệt.

(Nhâm dần hạ nhật)

(Mùa hè này khổ vì nóng nực quá,

Cỏ khô, ao đầm cũng cạn)

(Mùa hè năm Nhâm dần)

Mùa thu chỉ mới chớm về mà nhà thơ của chúng ta đã thấy khôn :

Tảo hàn dĩ giác vô y khổ.

(Thu dạ)

(Mới rét mà đã thấy khổ vì không áo)

(Đêm thu)

còn mùa đông thì thôi, khỏi nói :

Nhương tận khổ hàn tam duyệt nguyệt.

(Từ châu đạo trung)

(Chống chọi với cái rét ghê người suốt ba tháng)

(Trên đường Từ châu)

Trong bài *Thương ngô tức sự* (Nói về sự vật ở Thương ngô), chính Nguyễn Du cũng tự nhận là chỉ có mình không chống được lạnh trong khi sứ bộ Việt nam gồm những 27 người :

Thiên lý thanh sam bất nại hàn.

(Nghìn dặm người áo xanh không chịu nổi rét)

còn trên quê hương thì cũng chỉ có mỗi một riêng mình là bị gió lạnh hành hạ :

Cổ mạnh hàn phong cộng nhất nhân.

(Dạ hành)

(Lối cũ gió lạnh dồn cả vào một người)

(Đi đêm)

Mà cái rét đó là thứ rét buốt tận xương, cái lạnh đó là thứ lạnh từ trong xương lạnh ra :

Xuân vũ như cao, cốt tị hàn.

(Nam quan đạo trung)

(Mưa xuân như mỡ, lạnh buốt tận xương)

(Trên đường qua Nam quan)

Thận chủ kỹ xảo, thận tác cường chi quan còn là công năng khác của *thận tượng*, sách *Tổ vấn*, thiên *Linh lan bí điển luận* chỉ rõ như vậy. Cơ thể chịu đựng được nhọc nhằn, động tác cứng cỏi đầy đủ sức lực, cử chỉ nhanh nhẹn tinh xảo đều tùy thuộc vào tình trạng tráng kiện của *thận tượng*; và thận tượng sở dĩ có những tác động đó là do sự gắn bó của nó với các vai trò tàng tinh, chủ cốt, sinh tủy không tách rời nhau. Thận khí đầy đủ, thận tinh đầy đủ thì không những tinh thần sáng khoái, kỹ xảo linh hoạt mà gân xương cũng cứng cáp, chuyển động cũng nhanh nhẹn, điều bộ cũng khoẻ khoắn. Trái lại người thận suy tinh hư tủy thiếu thì lưng mỏi xương yếu tinh thần bạc nhược, động tác chậm chạp. Bài thơ *Trệ khách* (Người khách bê trệ) với cảnh tác giả nằm bết bát xương bọc da là một bản thông báo bệnh lý của...y sĩ chuyên khoa Nguyễn Du tự viết về chính bản thân :

Trệ khách yêm lưu nam hải trung.

(Người khách bê trệ nằm bẹp mãi nơi biển nam)

và

Phong trần đới lý lưu bì cốt

(Trong đám gió bụi còn thân mình chỉ có xương da)

Bài thơ này viết ở Quỳnh côi, Thái bình lúc nhà nho là một thanh niên không quá hai mươi lăm tuổi! Những câu thơ trong bài *Tự thán* với *thân dĩ suy* (thân đã suy yếu), trong bài *Thu dạ* với *quyện du khách* (du khách mỏi mệt) được trích dẫn trên kia cung cấp thêm triệu chứng cho bệnh cảnh do bất ổn công năng *thận tác cường*.

Thơ chữ hán Nguyễn Du còn cho chúng ta biết rằng thi sĩ bị rối loạn giấc ngủ. Nhà thơ ít ngủ, khó ngủ, mất ngủ, không ngủ. Hiện tượng bệnh lý này cũng vẫn liên quan đến *thận tượng*, trong khuôn khổ *tâm thận bất giao* mà các cụ lương y còn quen gọi là *thủy hoả bất tề*. Thận, như đã nói, thuộc thủy còn tâm thuộc hoả. Thủy và hoả chế ước lẫn nhau, tác dụng lẫn nhau để duy trì sinh lý chính thường. Đó là trạng thái *thủy hoả tương tề*, nó bảo trì thể hằng định của nội môi. Trong trường hợp thận thủy bất túc không giúp lên tâm hoả hoặc tâm hoả vọng động làm tổn thương thận thủy thì sẽ có các triệu chứng tâm phiền, khó ngủ, mất ngủ, hay mê, hồi hộp, sợ sệt là những triệu chứng thuộc tình hình *thủy hoả bất tề* mà nguyên nhân là *tâm thận bất giao*, vốn là cục diện bệnh biến do quan hệ sinh lý giữa tâm và thận không còn bình thường. Nói cách khác, tâm có vị trí ở thượng tiêu, thận có vị trí ở hạ tiêu. Trong tình huống tráng kiện, tâm và thận điều hoà thăng giáng lẫn nhau, cùng giao thông hiệp điều để duy trì trạng thái quân bình : dương khí của tâm giáng xuống thận, có thể ôn dưỡng thận dương; âm khí của thận có thể dẫn lên tâm, qua đó nuôi dưỡng tâm âm ; biểu hiện *thủy hoả tương tề*. Khi thận âm bất túc hoặc tâm hoả quá động khiến mất đi quan hệ hợp tác điều hoà thì xảy ra *tâm thận bất giao*.

Nguyễn Du sáng tác riêng cả một bài *Bất寐* (Không ngủ) :

Bất寐 thính hàn canh,

Hàn canh bất khảng tận.

Quan sơn dẫn mộng trường,

Châm chử thôi hàn cận.

Phế táo tự hà ma,

Thâm đường xuất khưu dẫn.

Ám tụng Vấn thiên chương,

Thiên cao hà xứ vấn?

(Không ngủ nghe trống điểm canh lạnh,
 Trống canh lạnh điểm mãi không thôi.
 Quan san làm cho mộng thêm dài,
 Tiếng chày nện vải giục hơi lạnh đến gần.
 Cóc nhái nhóm quanh bếp vắng,
 Giun từ góc nhà bò ra.
 Thăm đọc bài ca Hối trời,
 Trời cao biết đâu mà hỏi?)

Nhiều đêm thi bá thao thức, trần trọc; nằm hai tay chắp sau gáy, mắt mở to không chớp, trừng trừng nhìn lên rui nhà, tai nghe tiếng mưa xứ Huế từ núi Ngự đổ về rì rào xào xạc suốt canh thâu :

*Mãn địa phồn thanh văn dạ vũ,
 Nhất sàng cô muộn địch xuân hàn.*
 (Ngẫu thư công quán bích)
 (Đầy đất đêm nghe mưa rơi rả rích,
 Trên giường một mình buồn chịu khí xuân lạnh)
 (Ngẫu nhiên đề trên vách nhà cơ quan)

Trong *Thanh Hiên thi tập*, nhà thơ thức trắng :

*Sơ canh cổ giác ngũ canh kê,
 Chung dạ bồi hồi tứ chuyển mê.*
 (Ngẫu hứng)
 (Canh một nghe tiếng trống tiếng ốc, canh năm nghe gà gáy,
 Suốt đêm bồi hồi, nghĩ quẩn nghĩ quanh)
 (Cảm hứng tình cờ)

Trong *Bắc hành tạp lục*, nhà thơ cũng lại không ngủ :

*Quan tâm nhất dạ khổ vô thụy,
 Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.*
 (Thăng long)
 (Nghĩ ngợi thâu đêm thao thức không ngủ,
 Nghe tiếng sáo từng hồi trong ánh trăng sáng)

(Thăng long)

Nơi trạm nghỉ chân trên đường đi sứ, nhà thơ ngồi cho đến sáng nghe thanh la đánh :

Triệt dạ la thanh bất tạm đình,

Cô đăng tương đối đảo thiên minh.

(Mạc phủ tức sự)

(Suốt đêm tiếng thanh la đánh không ngớt,

Đôi bóng đèn cô đơn ngồi cho đến sáng)

(Chép chuyện nơi trạm nghỉ chân)

để rồi đến công quán Quế lâm lại đọc thoại trắng đêm trong tiếng tù và :

Thành đầu văn họa giác,

Tự ngữ đảo thiên minh.

(Quế lâm công quán)

(Đầu thành nghe tù và thổi,

Mình nói với mình đến sáng)

(Công quán Quế lâm)

Bây giờ xin chuyển qua yếu tố tâm thần tình cảm trong bệnh án Nguyễn Du. Đó là nỗi sợ. Nguyễn Du sợ giấc, sợ chết, sợ nghèo, sợ đói, sợ đồng liêu, sợ tha nhân, sợ quyền thế, sợ cấp trên, sợ đường đi, sợ cảnh già, sợ sai lầm, sợ thất bại. Và môi trường tạo hoá, vạn vật khách quan dường như cũng...lây nỗi sợ của Nguyễn Du, như con ngựa chiến trong *Dự Nhượng chủ thủ hành* hay con thú hoang trong lùm cây nơi bài *Sơn trung tức sự*. Nỗi sợ của Nguyễn Du có nhiều hình thái, đạt nhiều cường độ, thuộc nhiều đẳng cấp. Theo Trung y, kinh hoàng đột ngột quá mức hoặc sợ hãi lo lắng lâu ngày đều hao thương thận khí. Ở Nguyễn Du, chúng ta gặp một tập hợp phong phú các động từ mô tả sự lo sợ, từ nhẹ đến nặng, từ thấp đến cao. Nhẹ như người thiếu nữ mới lớn dễ thương của Phạm Đình Hổ trong *Hữu sở cảm* (Có cảm xúc), muốn đàn nhưng ngần ngại người yêu nghe thấy nên không nấn tơ đồng :

Chỉ phạ đàn lang thỉnh,

Hoành cầm tiểu bất đàn.

(Ngại người thương nghe thấy,

Đặt ngang đàn, cười mà không gảy)

Nặng như *Cung oán*, khi người cung phi luận bàn triết lý về cảnh đời, về cuộc sống với tất cả dư vị đắng cay yếm thế (câu 59-60) :

Trắng răng đến thuở bạc đầu,

Tử, sinh, kinh, cụ làm nhau mấy lần?

Mô tả hành trạng của mình, Nguyễn Du cũng đề cập nhiều tình huống *khủng thương*

thận qua sử dụng nhiều động từ khác nhau. Nhà thơ nói đến *phạ* (Ngẫu thư công quán bích), đến *tuất* (Vinh Khải Kỳ thập tuệ xứ), đến *úy* (U cư, Lam giang, Mộng đắc thái liên, Ninh minh giang chu hành, Phượng hoàng lộ thượng táo hành), đến *hải* (Sơn trung tức sự), đến *khủng* (Giang đầu tản bộ), đến *kinh* (Thu dạ, Xuân tiêu lữ thứ, Giản Công bộ Thiêm sự Trần, Thu nhật ký hứng, Quế lâm công quán, Thương ngô Trúc chi ca), đến *cụ* (Tàn Cối tượng).

Mặt khác, vận dụng học thuyết *vinh, vệ, khí, huyết*; chúng ta có thể chẩn đoán bổ túc rằng ở Nguyễn Du thường có tình trạng *vệ khí bất cố, vinh khí bất túc* (vệ khí không bền, vinh khí không đủ). Vệ chủ khí, vinh chủ huyết, vệ thuộc dương, vinh thuộc âm. Dương chủ bên ngoài, âm chủ bên trong. Nói theo vị trí và theo lẽ tương đối, vinh đi trong mạch, vệ đi ngoài mạch. Vệ khí phòng vệ ở thể biểu, vinh khí dinh dưỡng các cơ quan. Nhìn từ góc độ y học tây phương, vinh và vệ là hai mặt đối lập nhưng bổ túc của hệ thống miễn dịch tế bào và miễn dịch huyết tương. Sự rối loạn vinh vệ trong châu thân Nguyễn Du cắt nghĩa cái chết đột ngột của thi bá ngày mười tháng tám năm Canh thìn (16.09.1820). Nguyễn Hành, cháu gọi Nguyễn Du bằng chú ruột, trong nguyên chú bài thơ *Đại dịch* (Nạn dịch lớn), cho biết (nguyên văn chữ Hán, dịch sang quốc ngữ) : năm Canh thìn, mùa thu, phát sinh nạn dịch lớn; từ quan đến dân chết kể mấy chục vạn người, đâu đâu cũng thấy cúng tế cầu đảo, thật là một nạn dịch lệ từ xưa chưa từng có. Trong một bài thơ khác, bài *Văn thúc phụ Lễ bộ Tham tri phó âm cảm tác* (Nghe tin chú là quan Tham tri bộ Lễ từ trần cảm lòng viết ra), Nguyễn Hành nghi ngờ vì không tin rằng dịch lệ có thể làm ông chú mệnh một một cách nhanh chóng như vậy (*Dịch lệ hà năng tốc công tử*). Người cháu không biết rằng trong huyết tương chú mình lượng kháng thể rất thấp! Nguyễn Du mất khi chỉ mới 55 tuổi. Tuổi ta.

Chữa cho Nguyễn Du, các vị thuốc bổ thận bậc nhất là Thục địa, Dâm dương hoắc (tên thuốc đủ nói rõ công năng), Bắc Ngũ vị, Câu kỷ; các vị thuốc bổ thận bậc nhì có Sinh địa, Ba kích thiên, Hà thủ ô (lại tên thuốc đầy ý nghĩa!), Đỗ trọng, Qui bản, Hải sâm. Thang thuốc đặc dụng có thể là *Hữu qui hoàn* nếu thận dương bất túc có vẻ thiên thắng, là *Tả qui hoàn* nếu thận âm bất túc có vẻ thiên thắng. Hoặc đơn giản hơn, quen thuộc hơn, kinh điển hơn, có thể kê đơn *Lục vị địa hoàng hoàn*. Thang phương này trình bày dưới dạng đặc chế thuốc viên trên thị trường Trung được Âu châu hiện thời mang tên *Six Flavor Teapills*, mỗi hộp 200 viên, mỗi viên 0,18 gr, giá bán sỉ 3,00 Âu kim, giá bán lẻ 4,77 Âu kim. Tính ra mỗi hộp giá chỉ chừng 5 Mỹ kim. Giá Nguyễn Du được ty nạn ở Đức... Và nghĩ mà thương Nguyễn Du quá chừng...

Bonn, 29.06.2003